

**Phụ lục 01**

**MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA NĂM 2023 TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN ĐẮK TÔ**

(Kèm theo Tờ trình số: /TTr-UBND, ngày / /2022 của Ủy ban nhân dân huyện Đắk Tô)

TT	Danh mục mục tiêu, nhiệm vụ	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2023	
			Tỉnh giao	Huyện giao
<b>1</b>	<b>Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi</b>			
1.1	Giảm tỷ lệ hộ nghèo hằng năm vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	%	4	5
<b>2</b>	<b>Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững</b>			
-	Giảm tỷ lệ hộ nghèo hằng năm	%	3	3
<b>3</b>	<b>Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới</b>			
-	Tỷ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới	%	50	50
	<i>Trong đó:</i>			
	Tỷ lệ xã nông thôn mới nâng cao	%	25	25
-	Thôn (làng) đồng bào dân tộc thiểu số đạt chuẩn thôn nông thôn mới	Thôn	Không giao	9

**Phụ lục 02**

**DỰ TOÁN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG NĂM 2023 THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH  
MỤC TIÊU QUỐC GIA TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN ĐẮK TÔ**

(Kèm theo Tờ trình số: /TTr-UBND, ngày / /2022 của Ủy ban nhân dân huyện Đắk Tô)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch năm 2023				Tăng so với tỉnh giao	Ghi chú
		Tỉnh giao	Huyện giao				
			Tổng số	Trong đó			
				Phân bổ chi tiết đợt này	Chưa phân bổ chi tiết (*)		
1	2	3	4	5	6	7	8
	<b>TỔNG SỐ</b>	<b>71,336.00</b>	<b>71,336.00</b>	<b>55,413.47</b>	<b>15,922.53</b>	-	
<b>I</b>	<b>VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN</b>	<b>37,076.00</b>	<b>37,076.00</b>	<b>21,153.47</b>	<b>15,922.53</b>	-	
1	Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	34,037.00	34,037.00	18,480.47	15,556.53		
2	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới	3,039.00	3,039.00	2,673.00	366.00		
<b>II</b>	<b>VỐN SỰ NGHIỆP</b>	<b>34,260.00</b>	<b>34,260.00</b>	<b>34,260.00</b>	-		
1	Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	23,691.00	23,691.00	23,691.00			
2	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới	2,430.00	2,430.00	2,430.00			
3	Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững	8,139.00	8,139.00	8,139.00			

**Ghi chú:** (\*) Ủy ban nhân dân huyện rà soát, trình Hội đồng nhân dân huyện phân bổ chi tiết kế hoạch vốn cho các dự án, nhiệm vụ khi đảm bảo điều kiện theo quy định

**Phụ lục 03**

**DỰ TOÁN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG NĂM 2023 THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN ĐẮK TÔ**

(Kèm theo Tờ trình số: /TTr-UBND, ngày / /2022 của Ủy ban nhân dân huyện Đăk Tô)

DVT: Triệu đồng

TT	Đơn vị, địa phương	Kế hoạch vốn nguồn ngân sách Trung ương thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia năm 2023										Ghi chú
		Tổng 03 Chương trình mục tiêu quốc gia			Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2022			Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới năm 2022			Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2022	
		Tổng cộng	Vốn đầu tư phát triển	Vốn sự nghiệp	Tổng cộng	Vốn đầu tư phát triển	Vốn sự nghiệp	Tổng cộng	Vốn đầu tư phát triển	Vốn sự nghiệp	Vốn sự nghiệp	
	<b>TỔNG SỐ</b>	<b>71,336</b>	<b>37,076</b>	<b>34,260</b>	<b>57,968</b>	<b>34,037</b>	<b>23,691</b>	<b>5,169</b>	<b>3,039</b>	<b>2,430</b>	<b>8,139</b>	
1	Phòng Dân tộc	4,198	2,986	1,212	4,198	2,986	1,212	-				
2	Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	16,365	-	16,365	15,310		15,310	1,030		1,030	25	
3	Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội	1,543	-	1,543	400		400				1,143	
4	Phòng Văn hóa - Thông tin	566	-	566	195		195			300	71	
5	Phòng Giáo dục và Đào tạo	157	-	157	157		157					
6	Phòng Y tế	58		58							58	
7	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên	4,768	-	4,768	3,112		3,112				1,656	
8	Hội liên hiệp phụ nữ huyện	605	-	605	605		605					
9	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng	20,930	20,930	-	20,491	20,491		439	439			
10	Xã Diên Bình	1,506	850	656	-			990	850	140	516	
11	Xã Pô Kô	3,351	1,960	1,391	2,468	1,960	508	140		140	743	
12	Xã Tân Cảnh	1,481	900	581	-			1,040	900	140	441	
13	Xã Kon Đào	1,950	1,150	800	402	300	102	990	850	140	558	
14	Xã Ngọc Tụ	3,320	2,151	1,169	2,667	2,151	516	140		140	513	

TT	Đơn vị, địa phương	Kế hoạch vốn nguồn ngân sách Trung ương thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia năm 2023										Ghi chú
		Tổng 03 Chương trình mục tiêu quốc gia			Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2022			Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới năm 2022			Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2022	
15	Xã Đăk Rơ Nga	3,544	2,279	1,265	2,805	2,279	526	130		130	609	
16	Xã Đăk Trăm	3,379	1,979	1,400	2,504	1,979	525	140		140	735	
17	Xã Văn Lem	3,119	1,891	1,228	2,414	1,891	523	130		130	575	
18	Thị trấn Đăk Tô	496	-	496	-			-			496	

**PHỤ LỤC 04**

**KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NGUỒN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG NĂM 2023 THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN ĐẮK TÔ**

*(Kèm theo Tờ trình số: /TTr-UBND, ngày / /2022 của Ủy ban nhân dân huyện Đắk Tô)*

*ĐVT: Triệu đồng*

TT	Đơn vị, địa phương	Kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách Trung ương năm 2023							Ghi chú
		Tổng cộng	Chi tiết dự án thành phần						
			Dự án 1	Dự án 2	Dự án 4 (Tiểu dự án 1)	Dự án 5 (Tiểu dự án 1)	Dự án 6	Dự án 10 (Tiểu dự án 2)	
	<b>TỔNG SỐ</b>	<b>34,037</b>	<b>2,603</b>	<b>7,220</b>	<b>19,380</b>	<b>3,721</b>	<b>490</b>	<b>623</b>	
1	Phòng Dân tộc	2,986	2,363					623	
2	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng	20,491		7,220	9,550	3,721			
3	Xã Pô Kô	1,960	104		1,736		120.47		
4	Xã Ngọc Tú	2,151			2,027		123.53		
5	Xã Đắk Rơ Nga	2,279	44		2,235				
6	Xã Đắk Trăm	1,979	92		1,764		123		
7	Xã Văn Lem	1,891			1,768		123		
8	Xã Kon Đào	300			300				

**Ghi chú:**

**Các dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: 2021-2025**

- Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt
- Dự án 2: Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết
- Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công lập của lĩnh vực  
- *Tiểu dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi*
- Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực

*Tiểu dự án 1: Đổi mới hoạt động, củng cố phát triển các trường PTDTNT, trường PTDTBT, trường phổ thông có học sinh ở bán trú và xóa mù chữ cho người dân vùng ĐBDTTS*

5. Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch

6. Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình

*- Tiểu dự án 2: Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi*

vực dân tộc

**Phụ lục 05**

**PHÂN BỐ KẾ HOẠCH VỐN SỰ NGHIỆP NGUỒN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG NĂM 2023 THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN ĐẮK TÔ**

(Kèm theo Tờ trình số: /TTr-UBND, ngày / /2022 của Ủy ban nhân dân huyện Đắk Tô)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Đơn vị, địa phương	Vốn sự nghiệp nguồn ngân sách Trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2023															Ghi chú	
		Tổng cộng	Chi tiết dự án thành phần															
			Dự án 1	Dự án 3		Dự án 4	Dự án 5				Dự án 6	Dự án 8	Dự án 9 (Tiểu dự án 2)	Dự án 10				
				Tiểu dự án 1	Tiểu dự án 2		Tiểu dự án 1	Tiểu dự án 2	Tiểu dự án 3	Tiểu dự án 4				Tiểu dự án 1	Tiểu dự án 2	Tiểu dự án 3		
	<b>TỔNG SỐ</b>	23,691	1,243	11,497	3,813	1,457	157	-	3,512	281	195	605	234	503	58	136	-	
1	Phòng Dân tộc	1,212								281			234	503	58	136		
2	Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	15,310		11,497	3,813													
3	Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội	400							400									
4	Phòng Văn hóa - Thông tin	195									195							
5	Phòng Giáo dục và Đào tạo	157					157											
6	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên	3,112							3,112									
7	Hội liên hiệp phụ nữ huyện	605										605						
8	Xã Pô Kô	508	230			278												
9	Xã Kon Đào	102	50			52												
10	Xã Ngọc Tụ	516	240			276												
11	Xã Đăk Rơ Nga	526	240			286												
12	Xã Đăk Trăm	525	243			282												
13	Xã Văn Lem	523	240			283												

**Ghi chú:**

**Các dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi**

- 1 Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt
- 2 Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị
  - *Tiểu dự án 1: Phát triển kinh tế nông, lâm nghiệp bền vững gắn với bảo vệ rừng và nâng cao thu nhập cho người dân*
  - *Tiểu dự án 2: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, vùng trồng dược liệu quý, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi*



3 Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công lập của lĩnh vực dân tộc

- *Tiểu dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi*

4 Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực

- *Tiểu dự án 1: Đổi mới hoạt động, củng cố phát triển các trường PTDTNT, trường PTDTBT, trường phổ thông có học sinh ở bán trú và xóa mù chữ cho người dân vùng ĐBDTTS*

- *Tiểu dự án 2: Bồi dưỡng kiến thức dân tộc; đào tạo dự bị đại học, đại học và sau đại học đáp ứng nhu cầu nhân lực cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.*

- *Tiểu dự án 3: Dự án phát triển giáo dục nghề nghiệp và giải quyết việc làm cho người lao động vùng dân tộc thiểu số và miền núi.*

- *Tiểu dự án 4: Đào tạo nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ triển khai Chương trình ở các cấp.*

5 Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch

6 Dự án 8: Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em

7 Dự án 9: Đầu tư phát triển nhóm dân tộc thiểu số rất ít người và nhóm dân tộc còn nhiều khó khăn

- *Tiểu dự án 2: Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi*

8 Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình

- *Tiểu dự án 1: Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín; phổ biến, giáo dục pháp luật, trợ giúp pháp lý và tuyên truyền, vận động đồng bào; truyền thông phục vụ tổ chức triển khai thực hiện Đề án tổng thể và Chương trình*

- *Tiểu dự án 2: Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi*

- *Tiểu dự án 3: Kiểm tra, giám sát, đánh giá, đào tạo, tập huấn tổ chức thực hiện Chương trình.*



**Phụ lục 07**

**PHÂN BỐ KẾ HOẠCH VỐN SỰ NGHIỆP NGUỒN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG NĂM 2023 THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN ĐẮK TÔ**

*(Kèm theo Tờ trình số: /TTr-UBND, ngày / /2022 của Ủy ban nhân dân huyện Đắk Tô)*

*DVT: T*

TT	Đơn vị, địa phương	Vốn sự nghiệp nguồn ngân sách Trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2023										
		Tổng cộng	Chi tiết dự án thành phần									
			Dự án 2	Dự án 3		Dự án 4		Dự án 6		Dự án 7		
			Tiểu dự án 1	Tiểu dự án 2	Tiểu dự án 1	Tiểu dự án 2	Tiểu dự án 1	Tiểu dự án 2	Tiểu dự án 1	Tiểu dự án 2		
	<b>TỔNG SỐ</b>	<b>8,139</b>	<b>2,896</b>	<b>1,251</b>	<b>589</b>	<b>2,070</b>	<b>569</b>	<b>244</b>	<b>110</b>	<b>267</b>	<b>143</b>	
1	Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	25		25								
2	Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội	1,143				414	569		38	80	42	
3	Phòng Văn hóa - Thông tin	71						71				
4	Phòng Y tế	58			58							
5	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên	1,656				1,656						
6	Xã Diên Bình	516	290	123	50			17	7	19	10	
7	Xã Pô Kô	743	421	178	67			25	10	27	15	
8	Xã Tân Cảnh	441	238	101	57			15	6	16	8	
9	Xã Kon Đào	558	316	134	50			19	8	20	11	
10	Xã Ngọc Tụ	513	277	117	67			17	7	18	10	
11	Xã Đắk Rơ Nga	609	342	145	59			20	9	22	12	
12	Xã Đắk Trăm	735	421	178	59			25	10	27	15	

TT	Đơn vị, địa phương	Vốn sự nghiệp nguồn ngân sách Trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2023										
		Tổng cộng	Chi tiết dự án thành phần									
			Dự án 2	Dự án 3		Dự án 4		Dự án 6		Dự án 7		
	Tiểu dự án 1	Tiểu dự án 2		Tiểu dự án 1	Tiểu dự án 2	Tiểu dự án 1	Tiểu dự án 2	Tiểu dự án 1	Tiểu dự án 2	Tiểu dự án 1	Tiểu dự án 2	
13	Xã Văn Lem	575	316	134	67			19	8	20	11	
14	Thị trấn Đăk Tô	496	275	116	55			16	7	18	9	

**Ghi chú:**

**Các dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025**

- 1 Dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo
  - *Tiểu dự án 1. Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo*
- 2 Dự án 2: Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo
- 3 Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng
  - *Tiểu dự án 1. Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp*
  - *Tiểu dự án 2. Hỗ trợ cải thiện dinh dưỡng*
- 4 Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững
  - *Tiểu dự án 1: Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn*
  - *Tiểu dự án 2: Hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng*
  - *Tiểu dự án 3: Hỗ trợ việc làm bền vững*
- 5 Dự án 6: Truyền thông và giảm nghèo về thông tin
  - *Tiểu dự án 1: Giảm nghèo về thông tin*
  - *Tiểu dự án 2: Truyền thông về giảm nghèo đa chiều*
- 6 Dự án 7: Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá Chương trình
  - *Tiểu dự án 1: Nâng cao năng lực thực hiện Chương trình*
  - *Tiểu dự án 2: Giám sát, đánh giá*



<b>Ghi chú</b>

**Phụ lục 08**

**PHÂN BỐ CHI TIẾT KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NGUỒN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG NĂM 2023 THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI NĂM 2023**

(Kèm theo Tờ trình số: /TTr-UBND, ngày / /2022 của Ủy ban nhân dân dân huyện Đắk Tô)

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025		Vốn đã giải ngân từ khởi công đến hết kế hoạch năm trước	Kế hoạch vốn nguồn NSTW năm 2023			Ghi chú		
					Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: phân bổ NSTW		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: phân bổ NSTW	Tổng số		Trong đó:	
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: phân bổ NSTW								Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW	Thanh toán nợ XDCB
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14			
	<b>TỔNG CỘNG</b>					<b>76,851.00</b>	<b>62,923.89</b>	<b>76,851.00</b>	<b>63,119.89</b>	<b>13,857.42</b>	<b>18,480.47</b>	-	-	-		
<b>1</b>	<b>Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt</b>					<b>4,090</b>	<b>3,562</b>	<b>4,090</b>	<b>3,758</b>	<b>1,907</b>	<b>1,840</b>	-	-			
	<i>Dự án chuyển tiếp năm 2022 sang năm 2023 tiếp tục thực hiện</i>					<i>4,090</i>	<i>3,562</i>	<i>4,090</i>	<i>3,758</i>	<i>1,907.000</i>	<i>1,840</i>					
1	Cấp nước sinh hoạt tập trung tại thôn Đắk Mơ Ham, xã Pô Kô	Phòng Dân tộc	Xã Pô Kô	2022-2023	604-03/10/2022	1,460	1,240	1,460	1,365	1,200	160					
2	Cấp nước sinh hoạt tập trung tại thôn Măng Ruong, xã Văn Lem	Phòng Dân tộc	Xã Văn Lem	2022-2023	605-03/10/2022	2,630	2,322	2,630	2,393	707	1,680					
<b>2</b>	<b>Dự án 2: Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết</b>					<b>37,700</b>	<b>29,923</b>	<b>37,700</b>	<b>29,923</b>	<b>5,387</b>	<b>7,220</b>					
	Dự án sắp xếp, ổn định dân cư tại chỗ xã Pô Kô	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng	Xã Pô Kô	2022-2024	625-03/10/2022	37,700	29,923	37,700	29,923	5,387	7,220					
<b>3</b>	<b>Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công của lĩnh vực dân tộc</b>					<b>31,571</b>	<b>26,200</b>	<b>31,571</b>	<b>26,200</b>	<b>3,746</b>	<b>9,050</b>	-	-			
<b>3.1</b>	<i>Tiểu Dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi</i>					<i>31,571</i>	<i>26,200</i>	<i>31,571</i>	<i>26,200</i>	<i>3,746</i>	<i>9,050</i>	-	-			
<b>a</b>	<b>Các dự án hoàn thành, bàn giao, đưa vào sử dụng đến ngày 31/12/2022</b>					<b>871</b>	<b>820</b>	<b>871</b>	<b>820</b>	<b>746</b>	<b>50</b>					
	Cải tạo, sửa chữa chợ Đắk Trăm	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng	Xã Đắk Trăm	2022-2023	621-03/10/2022	871	820	871	820	746	50					
<b>b</b>	<i>Dự án chuyển tiếp năm 2022 sang năm 2023 tiếp tục thực hiện</i>					<i>30,700</i>	<i>25,380</i>	<i>30,700</i>	<i>25,380</i>	<i>3,000</i>	<i>9,000</i>					
	Đường ĐH 55 (đường Đắk Mốt - Kon Tu Peng)	Ban Quản lý đầu tư xây dựng	Xã Tân Cảnh và xã Pô Kô	2022-2024	626-03/10/2022	30,700	25,380	30,700	25,380	3,000	9,000					

4	<b>Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực</b>					3,300	3,077	3,300	3,077	2,776	250	-	-	
a	<i>Dự án chuyển tiếp năm 2022 sang năm 2023 tiếp tục thực hiện</i>					3,300	3,077	3,300	3,077	2,776	250			
	Trường Phổ thông dân tộc bán trú Trung học cơ sở xã Đăk Rơ Nga	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng	Xã Đăk Rơ Nga	2022-2022	582-28/9/2022	3,300	3,077	3,300	3,077	2,776	250			
5	<b>Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch</b>					190.00	161.89	190.00	161.89	41.42	120.47	-	-	
a	<b>Các dự án hoàn thành, bàn giao, đưa vào sử dụng đến ngày 31/12/2022</b>					190.00	161.89	190.00	161.89	41.42	120.47			
1	Khu thể thao Thôn Đăk Mơ Ham, Xã Pô Kô	UBND xã Pô Kô	Xã Pô Kô		635-03/10/2022	190.00	161.89	190.00	161.89	41.42	120.47			



**Phụ lục 09**  
**PHÂN BỐ CHI TIẾT KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NGUỒN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG NĂM 2023**  
**THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN ĐẮK TÔ**  
(Kèm theo Tờ trình số: /TTr-UBND, ngày / /2022 của Ủy ban nhân dân huyện Đắk Tô)

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025		Vốn đã giải ngân từ khởi công đến hết kế hoạch năm trước	Kế hoạch vốn nguồn NSTW năm 2023		
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: phân bổ NSTW		Tổng số	Trong đó:	
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: phân bổ NSTW					Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW	Thanh toán nợ XDCB
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	
	<b>TỔNG CỘNG</b>					<b>9,278.21</b>	<b>7,270.01</b>	<b>9,278.21</b>	<b>7,270.01</b>	<b>2,635.00</b>	<b>2,673.00</b>		
<b>I</b>	<b>Xã Tân Cảnh</b>					<b>1,967.21</b>	<b>1,758.01</b>	<b>1,967.21</b>	<b>1,758.01</b>	<b>879.00</b>	<b>746.00</b>		
	<i>Các dự án hoàn thành, bàn giao, đưa vào sử dụng đến ngày 31/12/2022</i>					<i>1,967.21</i>	<i>1,758.01</i>	<i>1,967.21</i>	<i>1,758.01</i>	<i>879.00</i>	<i>746.00</i>		
1	Đường nội thôn 2 (đoạn nhà ông Páo) xã Tân Cảnh	UBND xã Tân Cảnh	Xã Tân Cảnh	2022-2022	65-30/9/2022	233.000	204.60	233.000	204.60	102.30	87		
2	Đường nội thôn 1 (nhà ông Võ Văn Bình đến thủy điện)	UBND xã Tân Cảnh	Xã Tân Cảnh	2022-2022	581-28/09/202	540.000	480.20	540.000	480.20	240.10	204		
3	Đường liên thôn Đăk Ri Peng 1, Đăk Ri Peng 2	UBND xã Tân Cảnh	Xã Tân Cảnh	2022-2022	583-28/09/202	420.000	369.61	420.000	369.61	184.80	157		
4	Nhà văn hóa thôn 1 xã Tân Cảnh	UBND xã Tân Cảnh	Xã Tân Cảnh	2022-2022	602-30/09/202	437.484	397.60	437.484	397.60	198.80	168		
5	Nhà rông thôn Đăk Ri Peng 2 xã Tân cảnh	UBND xã Tân Cảnh	Xã Tân Cảnh	2022-2022	601-30/09/202	336.727	306.00	336.727	306.00	153.00	<b>130</b>		
<b>II</b>	<b>Xã Kon Đào</b>					<b>1,977.00</b>	<b>1,756.00</b>	<b>1,977.00</b>	<b>1,756.00</b>	<b>878.00</b>	<b>745.00</b>		
	<i>Các dự án hoàn thành, bàn giao, đưa vào sử dụng đến ngày 31/12/2022</i>					<i>1,977.00</i>	<i>1,756.00</i>	<i>1,977.00</i>	<i>1,756.00</i>	<i>878.00</i>	<i>745.00</i>		
1	Đường đi nghĩa trang xã Kon Đào	UBND xã Kon Đào	Xã Kon Đào	2022-2022	549-20/9/2022	950.000	850.00	950.000	850.00	425.00	361.00		
2	Đường đi sản xuất bồn hòn thôn 1	UBND xã Kon Đào	Xã Kon Đào	2022-2022	70-30/9/2022	314.000	278.00	314.000	278.00	139.00	118.00		
3	Đường đi sản xuất đăk Lung (đoạn tiếp theo)	UBND xã Kon Đào	Xã Kon Đào	2022-2022	71-30/9/2022	713.000	628.00	713.000	628.00	314.00	266.00		
<b>III</b>	<b>Xã Diên Bình</b>					<b>2,634.00</b>	<b>1,756.00</b>	<b>2,634.00</b>	<b>1,756.00</b>	<b>878.00</b>	<b>743.00</b>		

	<i>Các dự án hoàn thành, bàn giao, đưa vào sử dụng đến ngày 31/12/2022</i>					<b>2,634.00</b>	<b>1,756.00</b>	<b>2,634.00</b>	<b>1,756.00</b>	<b>878.00</b>	<b>743.00</b>		
1	Đường giao thông nông thôn (đường ngang số 3), thôn 8, xã Diên Bình; Hạng mục: Nền mặt đường	UBND xã Diên Bình	Xã Diên Bình	2022-	95-29/9/2022	617.000	354.00	617.000	354.00	177.00	150.00		
2	Đường giao thông thôn 4 (đoạn từ đường bà Hai Ga đến đường đi đập Cầu Ri); hạng mục: Nền, mặt đường	UBND xã Diên Bình	Xã Diên Bình	2022-	94-30/9/2022	293.000	168.00	293.000	168.00	84.00	72.00		
3	Đảm bảo an toàn giao thông; Hạng mục: Biển báo, biển chỉ dẫn và gỡ giảm tốc	UBND xã Diên Bình	Xã Diên Bình	2022-	645-05/10/2022	115.000	100.00	115.000	100.00	50.00	42.00		
4	Đường giao thông nông thôn (đường ngang số 1), thôn 8, xã Diên Bình; Hạng mục: Nền mặt đường	UBND xã Diên Bình	Xã Diên Bình	2022-	93-29/9/2022	575.000	318.00	575.000	318.00	159.00	135.00		
5	Đường giao thông thôn 5 (đoạn từ đường tránh lũ đến sân thể thao thôn); hạng mục: Nền, mặt đường	UBND xã Diên Bình	Xã Diên Bình	2022-	96-29/9/2022	131.000	72.00	131.000	72.00	36.00	32.00		
6	Hội trường thôn 5 hạng mục: Xây dựng hội trường và nhà vệ sinh	UBND xã Diên Bình	Xã Diên Bình	2022-	611-03/10/2022	668.000	584.00	668.000	584.00	292.00	240.00		
7	Sửa chữa Hội trường thôn 8; hạng mục: Sửa chữa công; hội trường thôn, mái che và làm mới nhà vệ sinh	UBND xã Diên Bình	Xã Diên Bình	2022-	97-29/9/2022	40.000	20.00	40.000	20.00	10.00	10.00		
8	Sửa chữa Hội trường thôn 3; hạng mục: Sửa chữa hội trường; nhà vệ sinh và làm sân bê tông	UBND xã Diên Bình	Xã Diên Bình	2022-	98-29/9/2022	40.000	20.00	40.000	20.00	10.00	10.00		
9	Sửa chữa Hội trường thôn Đăk Kang Pêng hạng mục: Sửa chữa hội trường; nhà vệ sinh	UBND xã Diên Bình	Xã Diên Bình	2022-	99-29/9/2022	40.000	20.00	40.000	20.00	10.00	10.00		
10	Lắp đặt dụng cụ thể thao ngoài trời tại nhà văn hóa	UBND xã Diên Bình	Xã Diên Bình	2022-	646-05/10/2022	115.000	100.00	115.000	100.00	50.00	42.00		
<b>IV</b>	<b>Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng</b>					<b>2,700.00</b>	<b>2,000.00</b>	<b>2,700.00</b>	<b>2,000.00</b>	<b>-</b>	<b>439.00</b>		
<i>a</i>	<i>Các dự án khởi công mới năm 2023</i>					<b>2,700.00</b>	<b>2,000.00</b>	<b>2,700.00</b>	<b>2,000.00</b>	<b>-</b>	<b>439.00</b>		
	Trường Tiểu học Lê Văn Tám (Điểm trường thôn Đăk Kang Pêng), xã Diên Bình	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng	Xã Diên Bình	2023-	391-09/8/2022	2,700.000	2,000.00	2,700.000	2,000.00		439.00		

Ghi chú
14
-

